

1. Read and write the meaning of the words in English

Hải tặc		Ngôi sao	
Cởi đồ		Mặt trăng	
Chú hề		Mặt đất	
Cái đảo		Thác nước	
Kho báu		Cho xem	
Máy móc		Y tá	
Rừng nhiệt đới		Bác sĩ	
Ngôi làng		Thành phố	
đầu bếp, nấu		Thị trấn	
Kì nghỉ		kéo ra	

2. Listen

Julia is telling her teacher about what her family did last weekend.
What did each person do?
Listen and write a letter in each box. There is one example.



Julia

H



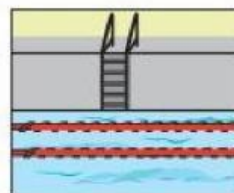
A



B



Mum



C



D



Dad



E



F



Fred



Clare



G



H



Dan